

**BẢNG ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
NĂM HỌC 2021-2022**

PHÒNG SỐ 01

TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	HS trường Tiểu học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Bình quân	Điểm KT khảo sát	Ưu tiên	Khuyến khích	TỔNG	Ghi chú
							TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán						
1	000001	Đào Hải	An	Nữ	29/4/2010	Trung Trắc	10	10	9	10	9	10	10	10	10	10	9,8	8,75			18,55	Đỗ
2	000002	Phùng Thị Trà	An	Nữ	20/4/2010	Đại Đồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,50	1,0		19,50	Đỗ
3	000003	Đặng Ngọc	Anh	Nữ	28/6/2010	Việt Hưng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	6,50	1,0		17,50	Đỗ
4	000004	Đặng Phương	Anh	Nữ	16/9/2010	Tân Quang	10	10	10	10	10	9	10	10	9	10	9,8	5,00			14,80	
5	000005	Đinh Xuân Nhật	Anh	Nam	04/11/2010	Chi Đạo	9	10	9	10	9	10	10	10	10	10	9,7	8,25	1,0		18,95	Đỗ
6	000006	Dương Phương	Anh	Nữ	11/12/2010	Đại Đồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,25	1,0		19,25	Đỗ
7	000007	Lê Huyền	Anh	Nữ	01/10/2010	Trung Trắc	10	10	10	10	10	10	10	9	10	10	9,9	8,25			18,15	Đỗ
8	000008	Lê Thị Kim	Anh	Nữ	20/6/2010	Lương Tài	10	10	10	10	9	9	10	10	9	9	9,6	7,25	1,0		17,85	Đỗ
9	000009	Ngô Quỳnh	Anh	Nữ	29/11/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,50			18,50	Đỗ
10	000010	Nguyễn Đắc Thạch	Anh	Nam	06/11/2010	Như Quỳnh	10	10	9	10	9	10	10	10	10	10	9,8	6,75			16,55	
11	000011	Nguyễn Hà	Anh	Nữ	29/6/2010	Như Quỳnh	10	9	9	8	10	9	10	10	10	10	9,5	5,00			14,50	
12	000012	Nguyễn Hải	Anh	Nữ	17/3/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	5,50			15,50	
13	000013	Nguyễn Minh	Anh	Nam	20/8/2010	Chi Đạo	9	8	9	10	9	9	9	10	9	9	9,1	7,00	1,0		17,10	Đỗ
14	000014	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	25/9/2010	Chi Đạo	10	9	10	10	10	10	9	10	10	10	9,8	6,75	1,0		17,55	Đỗ
15	000015	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	09/10/2010	Như Quỳnh	10	10	9	9	9	9	10	9	9	9	9,3	5,00			14,30	
16	000016	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	05/10/2010	Lạc Đạo	10	9	10	10	10	10	10	10	10	10	9,9	5,50			15,40	
17	000017	Nguyễn Phương	Anh	Nữ	18/01/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,75			18,75	Đỗ
18	000018	Nguyễn Quỳnh	Anh	Nữ	25/9/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	6,75			16,75	
19	000019	Nguyễn Thê	Anh	Nam	06/6/2010	Như Quỳnh	9	9	9	9	9	10	9	10	10	10	9,4	8,25			17,65	Đỗ
20	000020	Nguyễn Thị Lan	Anh	Nữ	19/6/2010	Lương Tài	10	10	9	9	9	10	9	9	9	10	9,4	5,75	1,0		16,15	

Văn Lâm, ngày 12 tháng 7 năm 2021

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT





**TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC HÀO**





**HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THANH YÊN**

**BẢNG ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
NĂM HỌC 2021-2022**

PHÒNG SỐ 02

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	HS trường Tiểu học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Bình quân	Điểm KT khảo sát	Ưu tiên	Khuyến khích	TỔNG	Ghi chú
						TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán						
1	000021	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Nữ	24/12/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	6,50			16,50	
2	000022	Nguyễn Việt	Anh	Nam	09/7/2010	Trung Trắc	9	10	10	10	9	10	10	10	10	9,8	7,25			17,05	Đỗ
3	000023	Phạm Đức	Anh	Nam	09/11/2010	Như Quỳnh	10	10	9	9	9	9	9	10	10	9,5	6,00			15,50	
4	000024	Phạm Thị Quỳnh	Anh	Nữ	25/3/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,75			18,75	Đỗ
5	000025	Phạm Tiến	Anh	Nam	19/01/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	9	9	9	9	10	9,5	5,75			15,25	
6	000026	Phan Lê	Anh	Nam	24/12/2010	Như Quỳnh	10	10	9	9	9	9	9	9	10	9,4	7,25			16,65	
7	000027	Trần Thị Hải	Anh	Nữ	23/9/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	9	9	10	10	10	9,8	7,75			17,55	Đỗ
8	000028	Trương Hà	Anh	Nữ	15/02/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	10	9	9,9	7,75			17,65	Đỗ
9	000029	Trương Thế	Anh	Nam	23/01/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	9	10	9	9	10	9,6	8,50			18,10	Đỗ
10	000030	Vũ Ngọc	Anh	Nữ	03/02/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	9	10	10	10	9,9	9,50			19,40	Đỗ
11	000031	Đặng Ngọc	Anh	Nữ	28/6/2010	Việt Hưng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	4,25	1,0		15,25	
12	000032	Trần Minh	Anh	Nữ	17/7/2010	Trung Trắc	10	10	9	10	10	10	10	10	10	9,9	6,25			16,15	
13	000033	Trịnh Phan	Bách	Nam	21/5/2010	Chi Đạo	9	10	9	10	9	10	10	10	10	9,7	7,00	1,0		17,70	Đỗ
14	000034	Lê Gia	Bảo	Nam	09/01/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	10	10	10	10	10	9,9	7,25			17,15	Đỗ
15	000035	Nguyễn Ngọc	Bảo	Nam	14/10/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	9	10	9	10	9	9,7	8,00			17,70	Đỗ
16	000036	Nguyễn Thái	Bảo	Nam	16/9/2010	Lạc Đạo	9	10	9	10	10	10	9	10	9	9,6	8,50			18,10	Đỗ
17	000037	Trương Gia	Bảo	Nam	27/7/2010	Như Quỳnh	10	10	9	10	9	9	9	10	10	9,6	7,00			16,60	
18	000038	Vũ Đình Gia	Bảo	Nam	24/12/2010	Lạc Hồng	9	9	10	10	10	10	10	10	10	9,8	7,00			16,80	
19	000039	Đỗ Thị Quỳnh	Chi	Nữ	27/01/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,50			18,50	Đỗ
20	000040	Đỗ Thùy	Chi	Nữ	06/7/2010	Đình Dù	9	10	9	10	9	10	10	10	10	9,7	9,00			18,70	Đỗ

Văn Lâm, ngày 12 tháng 7 năm 2021

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT



TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC HÀO



HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THANH YẾN

**BẢNG ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
NĂM HỌC 2021-2022**

PHÒNG SỐ 03

TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	HS trường Tiểu học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Bình quân	Điểm KT khảo sát	Ưu tiên	Khuyến khích	TỔNG	Ghi chú
							TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán						
1	000041	Lê Anh	Chi	Nữ	20/8/2010	Đình Dù	10	10	10	10	9	9	10	9	9	10	9,6	8,25			17,85	Đỗ
2	000042	Nguyễn Minh	Chi	Nam	30/7/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	9	10	9	9,8	7,25			17,05	Đỗ
3	000043	Nguyễn Việt	Chinh	Nữ	09/09/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	7,25			17,25	Đỗ
4	000044	Đỗ Nhật	Cường	Nam	25/9/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	10	9	10	10	9,9	8,00			17,90	Đỗ
5	000045	Nguyễn Đức	Cường	Nam	14/7/2010	Lạc Hồng	9	10	9	10	9	9	9	10	10	10	9,5	6,50			16,00	
6	000046	Nguyễn Huy	Đại	Nam	25/4/2010	Như Quỳnh	9	10	10	10	9	10	9	10	9	9	9,5	6,00			15,50	
7	000047	Nguyễn Linh	Đan	Nữ	09/02/2010	Lạc Đạo	10	10	9	9	10	10	10	9	10	10	9,7	7,75			17,45	Đỗ
8	000048	Nguyễn Thị Tâm	Đan	Nữ	07/11/2010	Lương Tài	10	10	10	10	9	10	10	10	10	9	9,8	8,50	1,0		19,30	Đỗ
9	000049	Nguyễn Hữu	Đán	Nam	29/6/2010	Tân Quang	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	9,25			19,25	Đỗ
10	000050	Đỗ Minh	Đăng	Nam	24/4/2010	Tân Quang	10	10	10	10	10	10	9	9	9	10	9,7	7,00			16,70	
11	000051	Nguyễn Hải	Đăng	Nam	01/01/2010	Lạc Đạo	9	10	8	8	10	10	10	9	10	9	9,3	4,75			14,05	
12	000052	Nguyễn Hải	Đăng	Nam	10/11/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	9	9	9	10	9	10	9,6	7,25			16,85	
13	000053	Bùi Huy	Đạt	Nam	09/9/2010	Như Quỳnh	9	9	10	9	9	9	10	9	10	10	9,4	3,75			13,15	
14	000054	Đỗ Tiên	Đạt	Nam	22/6/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	9	10	10	10	10	9	9,7	6,25			15,95	
15	000055	Lê Duy	Đạt	Nam	31/7/2010	Tân Quang	10	10	9	10	9	10	9	9	10	10	9,6	8,75			18,35	Đỗ
16	000056	Phạm Thành	Đạt	Nam	18/02/2010	Chi Đạo	9	9	10	10	10	10	10	10	10	10	9,8	8,00	1,0		18,80	Đỗ
17	000057	Phạm Tiên	Đạt	Nam	22/3/2010	Chi Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,25	1,0		19,25	Đỗ
18	000058	Phạm Hoàng Minh	Diễm	Nữ	12/4/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	7,25			17,25	Đỗ
19	000059	Nguyễn Thị Bách	Diệp	Nữ	23/6/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	9	9	10	10	9,8	4,75			14,55	
20	000060	Dương Công	Đô	Nam	15/10/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	9	10	10	10	9	10	9,7	7,25			16,95	

Văn Lâm, ngày 12 tháng 7 năm 2021

DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT



**TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC HÀO**

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



**HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THANH YÊN**

**BẢNG ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
NĂM HỌC 2021-2022**

PHÒNG SỐ 04

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	HS trường Tiểu học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Bình quân	Điểm KT khảo sát	Ưu tiên	Khuyến khích	TỔNG	Ghi chú
						TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán						
1	000061	Đỗ Trọng	Đức	Nam	12/10/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	9,00			19,00	Đỗ
2	000062	Hoàng Minh	Đức	Nam	16/10/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	10	10	10	10	10	9,9	6,25			16,15	
3	000063	Nguyễn Anh	Đức	Nam	30/8/2010	Như Quỳnh	10	10	9	10	9	9	9	10	10	9,5	5,50			15,00	
4	000064	Nguyễn Minh	Đức	Nam	24/12/2010	Như Quỳnh	10	10	9	9	9	10	10	10	10	9,7	7,00			16,70	
5	000065	Lê Đỗ Trí	Dũng	Nam	07/01/2010	Tân Quang	10	10	10	9	10	10	9	10	10	9,8	9,75			19,55	Đỗ
6	000066	Nguyễn Mạnh	Dũng	Nam	19/02/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	9	10	10	9,9	8,50			18,40	Đỗ
7	000067	Bùi Nguyễn Hải	Dương	Nam	06/11/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,50			18,50	Đỗ
8	000068	Đỗ Mạc	Dương	Nam	08/9/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,50			18,50	Đỗ
9	000069	Đỗ Thị Thùy	Dương	Nữ	10/9/2010	Lạc Đạo	8	10	9	10	10	10	10	9	10	9,6	5,75			15,35	
10	000070	Đỗ Thùy	Dương	Nữ	18/8/2010	Chi Đạo	9	8	10	10	10	10	10	10	10	9,7	5,00	1,0		15,70	
11	000071	Lê Thùy	Dương	Nữ	27/11/2010	Trung Trắc	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	5,75			15,75	
12	000072	Trần Anh	Dương	Nữ	18/3/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,50			18,50	Đỗ
13	000073	Vũ Thị Hải	Dương	Nữ	01/11/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	9	10	9,9	8,50			18,40	Đỗ
14	000074	Đào Khánh	Duy	Nam	03/6/2010	Lạc Đạo	9	10	9	10	10	10	10	10	10	9,8	7,00			16,80	
15	000075	Phạm Hương	Giang	Nữ	14/02/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	9,00			19,00	Đỗ
16	000076	Lý Minh Thái	Hà	Nữ	03/10/2010	Minh Hải	10	9	10	10	10	10	10	10	10	9,9	8,00	1,0		18,90	Đỗ
17	000077	Nguyễn Ngọc	Hà	Nữ	22/02/2010	Lương Tài	10	9	9	10	10	10	9	10	9	9,6	6,00	1,0		16,60	
18	000078	Nguyễn Thu	Hà	Nữ	26/7/2010	Trung Trắc	10	10	9	10	10	10	10	10	10	9,9	6,50			16,40	
19	000079	Lê Hoàng	Hải	Nam	07/8/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	9	10	10	10	9	9,7	4,50			14,20	
20	000080	Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	03/9/2010	Lạc Đạo	10	10	8	10	9	9	10	9	10	9,5	4,75			14,25	

Văn Lâm, ngày 12 tháng 7 năm 2021

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT



**TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC HÀO**



**HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THANH YÊN**

**BẢNG ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
NĂM HỌC 2021-2022**

PHÒNG SỐ 05

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	HS trường Tiểu học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Bình quân	Điểm KT khảo sát	Ưu tiên	Khuyến khích	TỔNG	Ghi chú
						TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán						
1	000081	Cao Thế	Hào	Nam	19/01/2010	Tân Quang	10	10	10	10	10	9	10	9	9	9,7	8,75			18,45	Đỗ
2	000082	Nguyễn Ngọc	Hào	Nam	01/5/2010	Minh Hải	10	10	9	10	9	10	9	10	9	9,6	9,25	1,0		19,85	Đỗ
3	000083	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	06/12/2010	Như Quỳnh	10	10	9	9	9	10	9	9	9	9,4	6,00			15,40	
4	000084	Lê Trung	Hiếu	Nam	24/01/2010	Như Quỳnh	9	10	10	10	9	9	9	10	10	9,6	5,00			14,60	
5	000085	Vũ Minh	Hiếu	Nam	08/4/2010	Như Quỳnh	9	10	9	10	9	10	9	10	10	9,6	8,00			17,60	Đỗ
6	000086	Phùng Thanh	Hoa	Nữ	01/11/2010	Lạc Hồng	10	10	9	9	10	10	10	10	10	9,8	7,75			17,55	Đỗ
7	000087	Nguyễn Việt	Hoàng	Nam	10/6/2010	Lạc Đạo	10	9	9	10	9	10	10	10	10	9,7	5,25			14,95	
8	000088	Phạm Huy	Hoàng	Nam	18/10/2010	Như Quỳnh	9	9	9	10	9	10	9	10	10	9,5	6,50			16,00	
9	000089	Đỗ Thị Anh	Hồng	Nữ	08/3/2010	Lạc Hồng	9	10	9	10	10	9	9	10	9	9,4	4,50			13,90	
10	000090	Nguyễn Anh	Hồng	Nữ	30/9/2010	Lạc Hồng	10	10	9	10	9	9	9	10	10	9,6	4,25			13,85	
11	000091	Vũ Gia	Hưng	Nam	18/02/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	9	10	9	10	9	9,7	8,75			18,45	Đỗ
12	000092	Trần Thị Dịu	Hương	Nữ	01/7/2010	Lạc Đạo	9	9	9	9	9	9	10	10	10	9,4	6,00			15,40	
13	000093	Lê Ngọc Gia	Huy	Nam	03/9/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	9	9	10	10	10	9,7	5,75			15,45	
14	000094	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	06/3/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	9	10	10	10	9	9,8	7,75			17,55	Đỗ
15	000095	Trần Gia	Huy	Nam	30/3/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	10	9	9,9	9,00			18,90	Đỗ
16	000096	Trần Quốc	Huy	Nam	22/9/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	9,50			19,50	Đỗ
17	000097	Trần Thanh	Huyền	Nữ	16/4/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	9	9	9,8	2,75			12,55	
18	000098	Trịnh Dương Khánh	Huyền	Nữ	23/10/2010	Đại Đồng	10	10	10	10	9	10	10	10	9	9,8	7,00	1,0		17,80	Đỗ
19	000099	Dương An	Khánh	Nữ	19/7/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	9	9	9	9	9	9,4	6,50			15,90	
20	000100	Nguyễn Gia	Khánh	Nam	02/9/2010	Như Quỳnh	10	10	9	10	9	9	9	10	10	9,6	5,00			14,60	

Văn Lâm, ngày 12 tháng 7 năm 2021

DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT



**TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC HÀO**

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



**HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THẠNH YÊN**

**BẢNG ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
NĂM HỌC 2021-2022**

PHÒNG SỐ 06

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	HS trường Tiểu học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Bình quân	Điểm KT khảo sát	Ưu tiên	Khuyến khích	TỔNG	Ghi chú
						TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán						
1	000101	Nguyễn Quang	Khánh	Nam	17/10/2010	Lạc Đạo	9	10	9	9	9	9	10	9	10	9,3	6,00			15,30	
2	000102	Nguyễn Gia	Khiêm	Nam	02/4/2010	Trung Trắc	9	9	9	10	9	10	9	10	10	9,5	8,50			18,00	Đỗ
3	000103	Trần Minh	Khôi	Nam	08/9/2010	Tân Quang	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	7,25			17,25	Đỗ
4	000104	Đỗ Đăng	Kiên	Nam	18/12/2010	Tân Quang	10	10	10	10	10	10	9	9	10	9,8	5,75			15,55	
5	000105	Dương Trọng	Kiên	Nam	13/5/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,50			18,50	Đỗ
6	000106	Phùng Chí	Kiên	Nam	16/7/2010	Chi Đạo	9	10	9	9	9	10	9	10	10	9,5	6,50	1,0		17,00	
7	000107	Nguyễn Thế	Kiệt	Nam	29/5/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	9,25			19,25	Đỗ
8	000108	Chu Thùy	Linh	Nữ	29/5/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	5,50			15,50	
9	000109	Đào Thùy	Linh	Nữ	07/3/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	9	9	10	9,8	7,25			17,05	Đỗ
10	000110	Đinh Thị Khánh	Linh	Nữ	29/8/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,50			18,50	Đỗ
11	000111	Dương Ngọc	Linh	Nữ	05/9/2010	Lạc Đạo	9	9	9	9	9	9	10	9	9	9,1	4,25			13,35	
12	000112	Dương Ngọc	Linh	Nữ	25/7/2010	Đại Đồng	10	10	10	10	9	10	10	10	10	9,9	6,75	1,0		17,65	Đỗ
13	000113	Hoàng Khánh	Linh	Nữ	01/6/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	9	10	10	10	9	9,8	8,75			18,55	Đỗ
14	000114	Lê Dương Yên	Linh	Nữ	07/6/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	10	10	10	10	10	9,9	7,25			17,15	Đỗ
15	000115	Ngô Hà	Linh	Nữ	31/5/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,75			18,75	Đỗ
16	000116	Nguyễn Bùi Gia	Linh	Nữ	21/6/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	9	9	9,8	5,50			15,30	
17	000117	Nguyễn Diệu	Linh	Nữ	08/9/2010	Lạc Đạo	10	9	9	9	9	9	10	9	9	9,3	7,25			16,55	
18	000118	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	05/02/2010	Đại Đồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	6,75	1,0		17,75	Đỗ
19	000119	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	10/12/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	10	10	10	10	10	9,9	7,50			17,40	Đỗ
20	000120	Nguyễn Khánh	Linh	Nữ	08/5/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	8,75			18,75	Đỗ

Văn Lâm, ngày 12 tháng 7 năm 2021

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



**TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC HÀO**



**HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THANH YÊN**

**BẢNG ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
NĂM HỌC 2021-2022**

PHÒNG SỐ 07

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	HS trường Tiểu học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Bình quân	Điểm KT khảo sát	Ưu tiên	Khuyến khích	TỔNG	Ghi chú
						TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán						
1	000121	Nguyễn Ngọc Gia	Linh	Nữ	31/8/2010	Như Quỳnh	10	9	9	10	9	9	9	9	10	10	9,4	7,25		16,65	
2	000122	Nguyễn Thị Hà	Linh	Nữ	01/02/2010	Đại Đồng	10	10	9	10	10	10	10	10	10	10	9,9	6,50	1,0	17,40	Đỗ
3	000123	Nguyễn Thùy	Linh	Nữ	27/12/2010	Việt Hưng	10	10	9	9	9	10	10	10	9	10	9,6	3,75	1,0	14,35	
4	000124	Nguyễn Yên	Linh	Nữ	20/9/2010	Đại Đồng	10	10	10	10	10	10	10	10	9	10	9,9	5,25	1,0	16,15	
5	000125	Sái Thùy	Linh	Nữ	19/11/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	9	9	10	10	10	10	9,8	5,75		15,55	
6	000126	Đỗ Thị Phương	Loan	Nữ	08/01/2010	Đình Dù	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	9,75		19,75	Đỗ
7	000127	Tạ Đức	Lộc	Nam	31/7/2010	Như Quỳnh	9	10	10	10	9	10	10	10	9	10	9,7	8,00		17,70	Đỗ
8	000128	Hà Nhất	Long	Nam	18/10/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	10	10	10	9	10	10	9,8	8,75		18,55	Đỗ
9	000129	Sái Dương Gia	Long	Nam	28/02/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	9	9	9,9	7,75		17,65	Đỗ
10	000130	Nguyễn Ngọc	Ly	Nữ	04/12/2010	Như Quỳnh	9	9	9	9	9	10	10	10	9	9	9,4	4,50		13,90	
11	000131	Phạm Khánh	Ly	Nữ	10/9/2010	Lạc Đạo	9	10	10	10	10	10	9	10	10	10	9,8	4,75		14,55	
12	000132	Nguyễn Thị Phương	Mai	Nữ	21/4/2010	Như Quỳnh	10	10	9	10	9	9	9	10	10	9	9,5	7,50		17,00	Đỗ
13	000133	Trần Thanh	Mai	Nữ	13/7/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10,0	7,25		17,25	Đỗ
14	000134	Trần Quang	Mạnh	Nam	11/4/2010	Tân Quang	10	10	10	10	10	9	10	9	9	9	9,6	7,50		17,10	Đỗ
15	000135	Đặng Xuân	Minh	Nam	29/8/2010	Lương Tài	10	10	10	10	9	10	10	10	10	10	9,9	8,00	1,0	18,90	Đỗ
16	000136	Dương Anh	Minh	Nam	28/9/2010	Lạc Đạo	9	10	9	10	9	10	10	10	9	10	9,6	7,00		16,60	
17	000137	Khúc Chí	Minh	Nam	21/12/2010	Lương Tài	9	10	9	10	9	10	10	10	10	10	9,7	8,25	1,0	18,95	Đỗ
18	000138	Khúc Tuệ	Minh	Nữ	25/01/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	10	9	10	9,9	7,75		17,65	Đỗ
19	000139	Lê Xuân Ngọc	Minh	Nam	24/12/2010	Chi Đạo	10	9	9	10	9	9	9	10	9	10	9,4	7,75	1,0	18,15	Đỗ
20	000140	Nguyễn Gia	Minh	Nam	12/5/2010	Như Quỳnh	10	10	9	10	10	10	10	10	10	10	9,9	6,75		16,65	

Văn Lâm, ngày 12 tháng 7 năm 2021

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



**TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC HÀO**



**HIỆU TRƯỞNG
PHẠM TRẦN VĂN**

**BẢNG ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
NĂM HỌC 2021-2022**

PHÒNG SỐ 08

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	HS trường Tiểu học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Bình quân	Điểm KT khảo sát	Ưu tiên	Khuyến khích	TỔNG	Ghi chú
						TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán						
1	000141	Nguyễn Nhật Minh	Nam	16/02/2010	Như Quỳnh	9	10	10	10	9	10	10	10	10	10	9.8	8.75			18.55	Đỗ
2	000142	Nguyễn Quang Minh	Nam	08/01/2010	Như Quỳnh	9	9	8	10	9	10	9	9	9	10	9.2	7.25			16.45	
3	000143	Nguyễn Quang Minh	Nam	03/5/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10.0	4.75			14.75	
4	000144	Phạm Quang Minh	Nam	23/02/2010	Lạc Đạo	10	9	9	10	9	9	10	10	10	10	9.6	4.75			14.35	
5	000145	Trần Thảo My	Nữ	14/6/2010	Trung Trắc	10	10	10	10	10	10	10	9	10	10	9.9	8.50			18.40	Đỗ
6	000146	Đặng Bảo Nam	Nam	18/10/2010	Tân Quang	10	10	9	9	10	10	9	10	10	10	9.7	8.00			17.70	Đỗ
7	000147	Đỗ Hải Nam	Nam	21/11/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10.0	8.25			18.25	Đỗ
8	000148	Nguyễn Hải Nam	Nam	11/01/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	9	10	9	9	10	9	9.6	6.50			16.10	
9	000149	Lê Dương Thu Ngân	Nữ	16/5/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	10	10	10	10	10	10	9.9	7.75			17.65	Đỗ
10	000150	Sái Bảo Ngân	Nữ	14/7/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	9	9	9	10	10	10	9.7	6.25			15.95	
11	000151	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nam	03/9/2010	Trung Trắc	10	10	10	10	9	10	10	10	10	10	9.9	7.50			17.40	Đỗ
12	000152	Đỗ Thị Minh Ngọc	Nữ	15/9/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10.0	8.25			18.25	Đỗ
13	000153	Lê Ánh Ngọc	Nữ	09/02/2010	Tân Quang	10	10	10	10	9	10	10	10	9	9	9.7	7.25			16.95	
14	000154	Nguyễn Lê Hồng Ngọc	Nữ	25/02/2010	Trung Trắc	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10.0	9.50			19.50	Đỗ
15	000155	Nguyễn Minh Ngọc	Nữ	24/10/2010	Như Quỳnh	9	10	10	10	9	10	10	10	10	10	9.8	8.50			18.30	Đỗ
16	000156	Phạm Hồng Ngọc	Nữ	13/3/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10.0	8.00			18.00	Đỗ
17	000157	Phạm Vũ Khang Nguyên	Nam	03/11/2010	Lạc Đạo	10	9	9	9	9	9	9	9	10	10	9.3	4.25			13.55	
18	000158	Đặng Quỳnh Như	Nữ	06/7/2010	Lương Tài	10	10	10	9	10	10	9	10	10	10	9.8	7.75	1.0		18.55	Đỗ
19	000159	Lê Thảo Nhung	Nữ	21/10/2010	Trung Trắc	10	10	10	10	10	9	10	10	10	10	9.9	8.50			18.40	Đỗ
20	000160	Đào Văn Núi	Nam	11/04/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	10	10	9	9	10	10	9.7	7.75			17.45	Đỗ

Văn Lâm, ngày 12 tháng 7 năm 2021

DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT



TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC HÀO

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THANH YẾN

**BẢNG ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
NĂM HỌC 2021-2022**

PHÒNG SỐ 09

TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	HS trường Tiểu học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Bình quân	Điểm KT khảo sát	Ưu tiên	Khuyến khích	TỔNG	Ghi chú
							TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán						
1	000161	Nguyễn Hoàng	Phát	Nam	09/5/2010	Đại Đồng	10	9	10	10	9	10	10	10	9	10	9.7	5.00	1.0		15.70	
2	000162	Đỗ Hải	Phú	Nam	30/9/2010	Tân Quang	10	10	10	10	9	10	9	9	10	10	9.7	7.75			17.45	Đỗ
3	000163	Lê Trần	Phú	Nam	28/6/2010	Chi Đạo	9	10	9	10	9	10	9	10	10	9	9.5	8.50	1.0		19.00	Đỗ
4	000164	Nguyễn Duy	Phú	Nam	31/10/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	9	10	10	10	9	10	9.7	8.00			17.70	Đỗ
5	000165	Vũ Minh	Phú	Nam	13/9/2010	Như Quỳnh	9	9	9	10	9	10	9	10	9	10	9.4	6.00			15.40	
6	000166	Đỗ Đức	Phúc	Nam	01/5/2010	Lương Tài	9	10	9	9	9	10	9	9	10	10	9.4	5.50	1.0		15.90	
7	000167	Đỗ Quang	Phúc	Nam	01/01/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	9	9	10	10	9.8	9.00			18.80	Đỗ
8	000168	Lê Hữu	Phúc	Nam	14/02/2010	Như Quỳnh	10	10	9	9	9	9	9	10	10	10	9.5	8.00			17.50	Đỗ
9	000169	Hồ Minh	Phương	Nữ	13/04/2010	Greenfield	10	10	10	10	10	10	9	10	10	10	9.9	8.50			18.40	Đỗ
10	000170	Nguyễn Thị Quỳnh	Phương	Nữ	13/02/2010	Như Quỳnh	10	10	9	9	9	9	10	10	9	10	9.5	5.25			14.75	
11	000171	Nguyễn Thu	Phượng	Nữ	19/10/2010	Lạc Đạo	9	10	9	10	9	9	9	9	9	10	9.3	5.75			15.05	
12	000172	Đỗ Minh	Quân	Nam	23/7/2010	Đình Dù	9	10	10	10	9	9	9	10	9	10	9.5	8.50			18.00	Đỗ
13	000173	Kiều Hải	Quang	Nam	21/10/2010	Như Quỳnh	10	10	9	9	9	9	9	9	10	9	9.3	8.50			17.80	Đỗ
14	000174	Nguyễn Tiến	Quỳnh	Nam	16/7/2010	Trung Trắc	9	9	9	10	10	9	9	10	9	10	9.4	6.00			15.40	
15	000175	Lê Như	Quỳnh	Nữ	29/8/2010	Tân Quang	9	10	10	10	10	10	9	10	10	10	9.8	7.25			17.05	Đỗ
16	000176	Nguyễn Như	Quỳnh	Nữ	04/6/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	9	9	10	9	10	10	9.7	6.00			15.70	
17	000177	Lê Đức	Sơn	Nam	11/11/2010	Trung Trắc	10	10	9	10	9	10	10	10	9	10	9.7	6.75			16.45	
18	000178	Nguyễn Cao	Sơn	Nam	11/7/2010	Lạc Đạo	9	9	9	9	9	9	9	9	10	10	9.2	5.50			14.70	
19	000179	Nguyễn Hoàng	Sơn	Nam	10/01/2010	Lương Tài	9	10	9	10	10	9	9	9	10	9	9.4	8.75	1.0		19.15	Đỗ
20	000180	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	23/11/2010	Lương Tài	10	10	10	10	10	10	9	10	9	10	9.8	9.00	1.0		19.80	Đỗ

Văn Lâm, ngày 12 tháng 7 năm 2021

DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC HÀO



HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THANH YẾN

**BẢNG ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
NĂM HỌC 2021-2022**

PHÒNG SỐ 10

TT	SBD	Họ và	tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	HS trường Tiểu học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Bình quân	Điểm KT khảo sát	Ưu tiên	Khuyến khích	TỔNG	Ghi chú
							TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán						
1	000181	Lê Hạnh	Tâm	Nữ	11/11/2010	Lạc Đạo	9	10	9	9	9	9	10	10	10	10	9.5	4.25			13.75	
2	000182	Nguyễn Đức	Thành	Nam	11/9/2010	Như Quỳnh	10	10	9	9	9	10	9	9	9	10	9.4	6.75			16.15	
3	000183	Nguyễn Thế	Thành	Nam	06/4/2010	Chi Đạo	9	10	10	10	10	10	10	10	10	10	9.9	8.50	1.0		19.40	Đỗ
4	000184	Phạm Tiến	Thành	Nam	24/01/2010	Chi Đạo	10	9	10	10	10	10	10	10	10	10	9.9	8.25	1.0		19.15	Đỗ
5	000185	Đặng Phương	Thảo	Nữ	17/7/2010	Tân Quang	10	10	10	10	10	10	9	9	10	10	9.8	6.00			15.80	
6	000186	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	01/7/2010	Như Quỳnh	9	10	9	9	9	10	10	10	9	10	9.5	6.25			15.75	
7	000187	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Nữ	13/10/2010	Như Quỳnh	10	10	9	9	10	10	9	10	9	10	9.6	5.25			14.85	
8	000188	Vương Minh	Thảo	Nữ	28/01/2010	Lương Tài	10	10	9	9	9	10	9	9	9	9	9.3	4.50	1.0		14.80	
9	000189	Bùi Cao	Thế	Nam	06/02/2010	Tân Quang	10	10	9	10	9	10	9	10	9	9	9.5	8.50			18.00	Đỗ
10	000190	Phạm Bảo	Thiên	Nam	06/02/2010	Như Quỳnh	10	10	9	10	9	10	9	10	10	9	9.6	7.00			16.60	
11	000191	Đàm	Thống	Nam	10/11/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10.0	9.75			19.75	Đỗ
12	000192	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	02/10/2010	Minh Hải	10	9	10	10	9	10	10	10	9	10	9.7	6.75	1.0		17.45	Đỗ
13	000193	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	16/02/2010	Tân Quang	10	10	9	9	9	9	9	10	9	10	9.4	7.00			16.40	
14	000194	Nguyễn Thị Anh	Thư	Nữ	09/8/2010	Tân Quang	10	10	10	10	10	10	10	10	9	10	9.9	6.75			16.65	
15	000195	Hoàng Thu	Thùy	Nữ	01/6/2010	Lạc Hồng	9	9	9	10	10	10	9	10	10	10	9.6	5.00			14.60	
16	000196	Lê Phương	Thủy	Nữ	22/10/2010	Đại Đồng	10	10	10	9	10	10	10	10	10	10	9.9	7.50	1.0		18.40	Đỗ
17	000197	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	22/01/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	10	10	10	9	9	10	9.8				9.80	
18	000198	Trần Thị Thanh	Thủy	Nữ	31/12/2010	Lạc Hồng	9	9	10	10	10	10	10	10	10	10	9.8	9.50			19.30	Đỗ
19	000199	Vũ Thị Thanh	Thủy	Nữ	27/8/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	10	9	9	9.8	7.25			17.05	Đỗ
20	000200	Dương Trung	Tín	Nam	12/01/2010	Lạc Đạo	9	10	10	10	10	10	9	9	10	10	9.7	6.50			16.20	

Văn Lâm, ngày 12 tháng 7 năm 2021

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT



TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC HÀO



HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THANH YÊN

**BẢNG ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀO LỚP 6
NĂM HỌC 2021-2022**

PHÒNG SỐ 11

TT	SBD		tên	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	HS trường Tiểu học	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Bình quân	Điểm KT khảo sát	Ưu tiên	Khuyến khích	TỔNG	Ghi chú
							TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán	TV	Toán						
1	000201	Nguyễn Hữu	Toàn	Nam	10/5/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	10	10	10	9	9	10	9.7	5.25			14.95	
2	000202	Dương Ngọc Mai	Trâm	Nữ	18/5/2010	Lạc Đạo	9	10	10	10	10	9	10	9	10	10	9.7	7.50			17.20	Đỗ
3	000203	Đỗ Bảo	Trang	Nữ	24/10/2010	Tân Quang	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10.0	6.75			16.75	
4	000204	Nguyễn Quỳnh	Trang	Nữ	08/5/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	9	10	10	10	9.9	8.00			17.90	Đỗ
5	000205	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	11/01/2010	Lạc Đạo	10	10	10	10	9	10	10	10	10	10	9.9	9.25			19.15	Đỗ
6	000206	Nguyễn Thu	Trang	Nữ	14/4/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	10	10	10	9	10	10	9.9	8.00			17.90	Đỗ
7	000207	Phạm Huyền	Trang	Nữ	25/01/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	10	10	10	10	10	10	9.9	8.00			17.90	Đỗ
8	000208	Phạm Minh	Trang	Nữ	29/8/2010	Tân Quang	10	10	10	10	10	10	9	9	9	9	9.6	5.00			14.60	
9	000209	Dương Quốc	Triệu	Nam	21/8/2010	Lạc Đạo	10	10	9	10	9	10	10	10	10	10	9.8	9.50			19.30	Đỗ
10	000210	Dương Quốc	Trọng	Nam	02/5/2010	Lạc Đạo	8	10	8	9	9	10	9	10	10	10	9.3	7.75			17.05	Đỗ
11	000211	Đinh Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	05/3/2010	Như Quỳnh	10	10	10	10	9	10	10	10	10	10	9.9	7.75			17.65	Đỗ
12	000212	Trịnh Thanh	Tùng	Nam	15/11/2010	Như Quỳnh	9	9	9	10	9	9	9	9	10	9	9.2	5.25			14.45	
13	000213	Vũ Anh	Tuyết	Nữ	16/4/2010	Như Quỳnh	9	9	9	10	10	9	10	10	9	9	9.4	6.25			15.65	
14	000214	Lê Tường	Vi	Nữ	22/01/2010	Trung Trắc	10	10	9	9	10	10	9	10	10	10	9.7	4.00			13.70	
15	000215	Hoàng Quốc	Việt	Nam	19/11/2010	Lạc Đạo	10	10	9	9	10	10	10	10	10	10	9.8	5.75			15.55	
16	000216	Đỗ Hoàng	Vinh	Nam	10/4/2010	Tân Quang	10	10	10	9	9	10	9	10	9	10	9.6	7.75			17.35	Đỗ
17	000217	Lê Đoàn Minh	Vũ	Nam	19/8/2010	Như Quỳnh	9	9	10	9	9	10	9	9	9	9	9.2	5.00			14.20	
18	000218	Nguyễn Hà	Vy	Nữ	13/8/2010	Như Quỳnh	10	10	10	9	9	10	10	10	10	10	9.8	6.00			15.80	
19	000219	Nguyễn Phương	Vy	Nữ	21/7/2010	Lạc Đạo	9	10	10	9	9	10	9	9	9	9	9.3	3.25			12.55	
20	000220	Mai Hoàng	Yến	Nữ	09/6/2010	Lạc Hồng	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10	10.0	6.50			16.50	
21	000221	Nguyễn Hải	Yến	Nữ	10/10/2010	Việt Hưng	10	10	9	10	9	9	10	10	9	10	9.6	6.75	1.0		17.35	Đỗ

Văn Lâm, ngày 12 tháng 7 năm 2021

T/M HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



**HIỆU TRƯỞNG
PHẠM THANH YẾN**

DUYỆT CỦA TRƯỞNG PHÒNG GD&ĐT



**TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN ĐỨC HÀO**